

Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 31

Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103006366 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 4 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm và nước giải khát, sản phẩm từ sữa, thủy sản, dược phẩm, thức ăn chăn nuôi, bánh kẹo, công nghiệp dệt, sơn và mỹ phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lô K4B Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân, Đường số 4, Xã Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các Chi nhánh tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Cần Thơ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thiên Trúc	Chủ tịch	
Ông Phan Duy Hiếu	Thành viên	
Ông Huỳnh Thanh Lâm	Thành viên	
Ông Nguyễn Bảo Tùng	Thành viên	
Ông Nguyễn Bá Lương	Thành viên	
Ông Chad Ryan Ovel	Thành viên	miễn nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2016
Ông Christopher E. Freund	Thành viên	bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc	Thành viên	
Ông Lars Kjaer	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Ngọc Sang	Trưởng ban
Bà Võ Thị Xuyên	Thành viên
Bà Nguyễn Khánh Vân	Thành viên
Bà Hà Thị Bích Vân	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bảo Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Lương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Duy Hiếu	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo là Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Thị Lan Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

Số tham chiếu: 60958455/18592448-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ernst & Young Việt Nam



Ernest Young Chin Kang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1891-2013-004-1

Nguyễn Thanh Sang
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1541-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.082.808.135.483	936.083.394.843
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	164.286.177.410	129.557.209.489
111	1. Tiền		37.996.468.438	32.557.209.489
112	2. Các khoản tương đương tiền		126.289.708.972	97.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		268.700.000.000	143.300.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	268.700.000.000	143.300.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		276.426.116.273	238.482.013.028
131	1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	6.1	259.359.211.215	223.641.223.592
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	7.117.774.333	7.215.869.055
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	10.194.163.652	7.802.588.750
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(245.032.927)	(177.668.369)
140	IV. Hàng tồn kho	8	371.962.880.976	421.375.078.657
141	1. Hàng tồn kho		373.134.205.537	422.122.075.007
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.171.324.561)	(746.996.350)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.432.960.824	3.369.093.669
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	1.352.788.192	3.156.315.410
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	80.172.632	212.778.259
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		109.210.251.514	88.076.576.807
210	I. Phải thu dài hạn		2.044.556.216	2.264.926.934
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	2.044.556.216	2.264.926.934
220	II. Tài sản cố định		75.525.967.290	56.709.510.226
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	71.571.614.462	56.139.510.226
222	Nguyên giá		119.164.852.799	91.155.291.436
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(47.593.238.337)	(35.015.781.210)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	3.954.352.828	570.000.000
228	Nguyên giá		4.140.880.310	570.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(186.527.482)	-
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		44.000.000	1.108.827.021
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		44.000.000	1.108.827.021
260	IV. Tài sản dài hạn khác		31.595.728.008	27.993.312.626
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	31.595.728.008	27.993.312.626
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.192.018.386.997	1.024.159.971.650

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		283.633.121.260	273.829.465.572
310	I. Nợ ngắn hạn		277.073.606.120	267.917.044.584
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	166.574.778.013	179.714.614.011
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.052.713.199	1.289.118.936
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	14.242.098.099	16.879.995.861
314	4. Phải trả người lao động		808.582.668	452.117.365
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	44.891.117.600	10.894.632.590
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		2.475.287.133	1.248.630.920
320	7. Vay ngắn hạn	15	17.637.345.000	42.777.815.277
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		28.391.684.408	14.660.119.624
330	II. Nợ dài hạn		6.559.515.140	5.912.420.988
341	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	23.3	5.121.005.140	5.386.731.583
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		1.438.510.000	525.689.405
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		908.385.265.737	750.330.506.078
410	I. Vốn chủ sở hữu		908.385.265.737	750.330.506.078
411	1. Vốn cổ phần	16.1	246.799.000.000	123.600.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		246.799.000.000	123.600.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	16.1	30.551.150.000	153.750.150.000
415	3. Cổ phiếu quỹ	16.1	(476.173.125)	(428.373.125)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	16.1	101.010.534.807	88.371.611.416
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	16.1	446.211.634.181	329.378.629.815
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		301.345.123.147	233.039.455.868
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		144.866.511.034	96.339.173.947
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	17	84.289.119.874	55.658.487.972
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.192.018.386.997	1.024.159.971.650


Võ Thị Xuyên
Người lập


Nguyễn Thị Ánh Ngọc
Kế toán trưởng


CÔNG TY
CỔ PHẦN
HÓA CHẤT
Á CHÂU
NGUYỄN THỊ LAN ANH
TỔNG GIÁM ĐỐC


Nguyễn Thị Lan Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	18.1	2.202.053.279.514	1.857.260.290.812
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	(15.633.904.857)	(9.188.196.759)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	18.1	2.186.419.374.657	1.848.072.094.053
11	4. Giá vốn hàng bán	22	(1.767.509.943.507)	(1.509.477.907.457)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		418.909.431.150	338.594.186.596
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	20.813.109.070	21.527.418.846
22	7. Chi phí tài chính	19	(2.781.245.957)	(5.893.047.490)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(990.546.395)	(5.403.265.155)
25	8. Chi phí bán hàng	20, 22	(72.638.457.186)	(55.312.265.945)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20, 22	(134.919.444.077)	(125.817.923.939)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		229.383.393.000	173.098.368.068
31	11. Thu nhập khác	21	3.033.804.228	4.671.416.123
32	12. Chi phí khác	21	(1.542.070.566)	(3.954.002.225)
40	13. Lợi nhuận khác	21	1.491.733.662	717.413.898
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		230.875.126.662	173.815.781.966
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(48.149.031.750)	(50.102.329.236)
52	16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	23.3	265.726.443	(1.050.500)
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		182.991.821.355	123.712.402.230
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		170.431.189.453	121.112.314.445
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		12.560.631.902	2.600.087.785
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.5	6.571	4.258
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	16.5	6.571	4.258


Võ Thị Xuyên
Người lập


Nguyễn Thị Ánh Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lan Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		230.875.126.662	173.815.781.966
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		13.637.648.300	52.898.569.786
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		491.692.769	(1.156.694.710)
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	19	53.746.926	227.966.533
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(19.669.481.129)	(21.155.036.706)
06	Chi phí lãi vay	19	990.546.395	5.403.265.155
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		226.379.279.923	210.033.852.024
09	Tăng các khoản phải thu		(35.029.627.364)	(49.997.751.153)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		48.987.869.470	(104.391.267.608)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		24.296.958.728	(11.872.436.032)
12	Tăng chi phí trả trước		(1.798.888.164)	(4.908.232.509)
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.092.468.384)	(5.892.796.461)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(51.135.175.534)	(52.154.418.801)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.239.643.542)	(7.945.562.500)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		208.368.305.133	(27.128.613.040)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(31.702.824.652)	(10.335.423.852)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		263.636.364	273.396.062
23	Tiền chi các khoản đầu tư ngắn hạn		(125.400.000.000)	-
24	Tiền thu hồi từ khoản đầu tư ngắn hạn		-	109.700.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		-	(53.501.387.982)
26	Tiền thu từ bán khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	508.479.684
27	Tiền thu lãi tiền gửi		16.957.921.353	24.113.247.969
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(139.881.266.935)	70.758.311.881

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ nhận vốn góp vốn của chủ sở hữu		16.070.000.000	5.980.000.000
32	Tiền mua lại cổ phiếu của Công ty đã phát hành	16.1	(47.800.000)	(310.130.000)
33	Tiền thu từ đi vay	15	204.386.233.655	531.384.456.861
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	15	(229.526.703.932)	(625.845.549.078)
36	Cổ tức đã trả	16.1	(24.639.800.000)	(49.351.600.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(33.758.070.277)	(138.142.822.217)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		34.728.967.921	(94.513.123.376)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		129.557.209.489	224.070.332.865
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	164.286.177.410	129.557.209.489

Võ Thị Xuyên
Người lập

Nguyễn Thị Ánh Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lan Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103006366 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 4 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm và nước giải khát, sản phẩm từ sữa, thủy sản, dược phẩm, thức ăn chăn nuôi, bánh kẹo, công nghiệp dệt, sơn và mỹ phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lô K4B Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân, Đường số 4, Xã Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các Chi nhánh tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Cần Thơ.

Số lượng công nhân viên của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 276 (31 tháng 12 năm 2015: 230).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 2 công ty con, như sau:

Công ty Cổ phần Sản xuất Hương liệu Éch Vàng

Công ty Cổ phần Sản xuất Hương liệu Éch Vàng ("GF") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 0302536319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 7 tháng 2 năm 2002 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của GF tọa lạc tại số 31 Đường số 8, Khu Công nghiệp Việt Nam Singapore, Khu phố Bình Đáng, Phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm của GF là sản xuất hương liệu và tinh dầu tự nhiên cho ngành công nghiệp thực phẩm và giải khát; và chiết xuất tinh chất phục vụ việc sản xuất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty nắm giữ 51,6% vốn chủ sở hữu trong GF.

Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Á Châu

Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Á Châu ("AIC") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313428499 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 9 năm 2015. Trụ sở đăng ký của AIC tọa lạc tại Phòng số 4 tầng 12, Tòa nhà Vinamilk Tower, số 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của AIC là bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty nắm giữ 51% vốn chủ sở hữu trong AIC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký Chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Thành phẩm - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v..) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài khoản quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả, theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông thường niên phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại Hội đồng Cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong tương lai tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	955.531.208	979.278.078
Tiền gửi ngân hàng	37.040.937.230	31.577.931.411
Các khoản tương đương tiền	126.289.708.972	97.000.000.000
TỔNG CỘNG	164.286.177.410	129.557.209.489

Các khoản tương đương tiền thể hiện tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 4,3%/năm đến 5,5%/năm.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ sáu (6) đến mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 6%/năm đến 6,9%/năm.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn các bên khác	256.080.246.115	222.267.361.232
<i>Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam</i>	55.689.726.713	36.618.577.052
<i>Các khách hàng khác</i>	200.390.519.402	185.648.784.180
Phải thu từ các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 24</i>)	3.278.965.100	1.373.862.360
TỔNG CỘNG	259.359.211.215	223.641.223.592
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(245.032.927)	(177.668.369)
GIÁ TRỊ THUẦN	259.114.178.288	223.463.555.223

Như được trình bày tại Thuyết minh số 15, Nhóm Công ty đã dùng một phần khoản phải thu khách hàng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Nhóm Công ty.

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Phát triển Phú Mỹ Hưng	3.721.094.100	2.317.166.400
Các khoản trả trước khác	3.396.680.233	4.898.702.655
TỔNG CỘNG	7.117.774.333	7.215.869.055

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Lãi tiền gửi ngân hàng	6.327.623.890	3.566.154.169
Tạm ứng cho nhân viên	2.183.306.788	1.831.891.204
Ký quỹ ngắn hạn	1.282.938.987	355.707.635
Phải thu ngắn hạn khác	400.293.987	2.048.835.742
TỔNG CỘNG	10.194.163.652	7.802.588.750
Dài hạn		
Ký quỹ dài hạn	1.994.229.716	2.046.135.716
Phải thu dài hạn khác	50.326.500	218.791.218
TỔNG CỘNG	2.044.556.216	2.264.926.934

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	257.252.667.606	287.326.672.415
Hàng đang đi trên đường	77.535.623.980	104.386.705.795
Nguyên vật liệu	26.481.138.247	21.725.084.922
Thành phẩm	11.864.775.704	8.683.611.875
TỔNG CỘNG	373.134.205.537	422.122.075.007
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.171.324.561)	(746.996.350)
GIÁ TRỊ THUẦN	371.962.880.976	421.375.078.657

Như được trình bày tại Thuyết minh số 15, Nhóm Công ty đã dùng một phần hàng tồn kho làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Nhóm Công ty.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	746.996.350	1.173.775.455
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	1.171.324.561	746.996.350
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(746.996.350)	(1.173.775.455)
Số cuối năm	1.171.324.561	746.996.350

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Số cuối năm</i>	<i>VND</i> <i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	458.605.454	1.814.217.068 ✓
Chi phí thuê văn phòng	329.269.636	166.346.591 ✓
Khác	564.913.102	1.175.751.751 ✓
TỔNG CỘNG	<u>1.352.788.192</u>	<u>3.156.315.410</u>
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước	26.071.059.231 ✓	18.577.698.939 ✓
Thiết bị và chi phí cải tạo văn phòng	3.597.262.394 ✓	7.769.001.977 ✓
Khác	1.927.406.383 ✓	1.646.611.710 ✓
TỔNG CỘNG	<u>31.595.728.008</u>	<u>27.993.312.626</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Số đầu năm	28.121.204.916	29.432.959.455	30.336.817.604	3.264.309.461	91.155.291.436
Mua trong năm	9.290.560.681	5.951.608.679	10.293.858.183	3.660.743.820	29.196.771.363
Thanh lý	-	(525.710.000)	(661.500.000)	-	(1.187.210.000)
Số cuối năm	<u>37.411.765.597</u>	<u>34.858.858.134</u>	<u>39.969.175.787</u>	<u>6.925.053.281</u>	<u>119.164.852.799</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	291.158.700	1.735.568.239	3.550.560.271	745.664.067	6.322.951.277
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	6.410.789.658	11.865.921.617	15.317.377.142	1.421.692.793	35.015.781.210
Khấu hao trong năm	2.472.048.630	4.539.825.766	5.367.026.875	1.072.219.547	13.451.120.818
Thanh lý	-	(367.997.015)	(505.666.676)	-	(873.663.691)
Số cuối năm	<u>8.882.838.288</u>	<u>16.037.750.368</u>	<u>20.178.737.341</u>	<u>2.493.912.340</u>	<u>47.593.238.337</u>
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	<u>21.710.415.258</u>	<u>17.567.037.838</u>	<u>15.019.440.462</u>	<u>1.842.616.668</u>	<u>56.139.510.226</u>
Số cuối năm	<u>28.528.927.309</u>	<u>18.821.107.766</u>	<u>19.790.438.446</u>	<u>4.431.140.941</u>	<u>71.571.614.462</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN VÔ HÌNH

			VND
	<i>Phần mềm</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số dư đầu năm	-	570.000.000	570.000.000
Mua trong năm	<u>2.467.720.000</u>	<u>1.103.160.310</u>	<u>3.570.880.310</u>
Số dư cuối năm	<u>2.467.720.000</u>	<u>1.673.160.310</u>	<u>4.140.880.310</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số dư đầu năm	-	-	-
Hao mòn trong năm	<u>186.527.482</u>	<u>-</u>	<u>186.527.482</u>
Số dư cuối năm	<u>186.527.482</u>	<u>-</u>	<u>186.527.482</u>
Giá trị còn lại:			
Số dư đầu năm	<u>-</u>	<u>570.000.000</u>	<u>570.000.000</u>
Số dư cuối năm	<u>2.281.192.518</u>	<u>1.673.160.310</u>	<u>3.954.352.828</u>

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả cho các bên khác		
<i>Trong đó:</i>		
<i>DSM Nutritional Products Asia Pacific Pte Ltd.</i>	146.266.400.513 ✓	170.890.246.261 ✓
<i>CP Kelco ApS</i>	44.391.703.284 ✓	23.499.528.253 ✓
<i>Các nhà cung cấp khác</i>	18.855.463.200 ✓	36.752.952.096 ✓
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 24)	83.019.234.029 ✓	110.637.765.912 ✓
	<u>20.308.377.500</u> ✓	<u>8.824.367.750</u> ✓
TỔNG CỘNG	<u>166.574.778.013</u> ✓	<u>179.714.614.011</u> ✓



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN THU NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 24.1)	14.098.058.727	48.149.031.750	(51.135.175.534)	11.111.914.943
Thuế thu nhập cá nhân	2.513.630.504	9.287.649.553	(10.140.532.713)	1.660.747.344
Thuế giá trị gia tăng	268.306.630	42.094.617.672	(40.893.488.490)	1.469.435.812
Thuế nhà thầu	-	167.006.878	(167.006.878)	-
TỔNG CỘNG	16.879.995.861	99.698.305.853	(102.336.203.615)	14.242.098.099
Phải thu				
Thuế nhập khẩu	(212.778.259)	65.430.130.501	(65.297.524.874)	(80.172.632)

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương và thưởng	44.288.827.447	10.333.168.000
Lãi vay	17.675.207	119.597.196
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	584.614.946	441.867.394
TỔNG CỘNG	44.891.117.600	10.894.632.590

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VAY NGẮN HẠN

Chi tiết tăng giảm các khoản vay ngắn hạn:

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	VND Số cuối năm
Vay ngân hàng	<u>42.777.815.277</u>	<u>204.386.233.655</u>	<u>(229.526.703.932)</u>	<u>17.637.345.000</u>

Chi tiết các khoản vay ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân Hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	<u>17.637.345.000</u>	Từ ngày 14 tháng 12 năm 2016 đến ngày 23 tháng 3 năm 2017	4,5	Các khoản phải thu khách hàng USD 1.000.000 và hàng tồn kho USD 1.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Chi tiết vốn cổ phần

	VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	123.600.000.000	153.750.150.000	(118.243.125)	71.856.184.417	282.391.055.868	631.479.147.160
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	121.112.314.445	121.112.314.445
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	16.515.426.999	(16.515.426.999)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(8.257.713.499)	(8.257.713.499)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(49.351.600.000)	(49.351.600.000)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(310.130.000)	-	-	(310.130.000)
Số cuối năm	<u>123.600.000.000</u>	<u>153.750.150.000</u>	<u>(428.373.125)</u>	<u>88.371.611.416</u>	<u>329.378.629.815</u>	<u>694.672.018.106</u>
Năm nay						
Số đầu năm	123.600.000.000	153.750.150.000	(428.373.125)	88.371.611.416	329.378.629.815	694.672.018.106
Tăng vốn (*)	123.199.000.000	(123.199.000.000)	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	170.431.189.453	170.431.189.453
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	12.638.923.391	(12.638.923.391)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(16.319.461.696)	(16.319.461.696)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(24.639.800.000)	(24.639.800.000)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(47.800.000)	-	-	(47.800.000)
Số cuối năm	<u>246.799.000.000</u>	<u>30.551.150.000</u>	<u>(476.173.125)</u>	<u>101.010.534.807</u>	<u>446.211.634.181</u>	<u>824.096.145.863</u>

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên 2015 ngày 20 tháng 6 năm 2016, cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch phát hành cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu với tỉ lệ thực hiện là 1:1 (phát hành 1 cổ phiếu cho mỗi cổ phiếu đang được cổ đông nắm giữ) từ thặng dư vốn cổ phần. Theo đó, Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu thưởng vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, và được chấp thuận thông qua Giấy CNĐKKD điều chỉnh lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 1 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.2 Chi tiết vốn cổ phần

	VND					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Vốn cổ phần đã góp	Cổ phiếu thường	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn cổ phần đã góp	Cổ phiếu thường	Tỷ lệ sở hữu (%)
Ông Nguyễn Thiên Trúc Penm III Germany Gmbh & Co. Kg Mekong	72.278.680.000	7.227.868	29,29	37.289.340.000	3.728.934	30,17
Dolphin Pte. Ltd	48.010.000.000	4.801.000	19,45	24.005.000.000	2.400.500	19,42
Cổ đông khác	32.275.400.000	3.227.540	13,08	16.137.700.000	1.613.770	13,06
	94.234.920.000	9.423.492	38,18	46.167.960.000	4.616.796	37,35
TỔNG CỘNG	246.799.000.000	24.679.900	100	123.600.000.000	12.360.000	100

16.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần		
Số đầu năm	123.600.000.000	123.600.000.000
Tăng trong năm	123.199.000.000	-
Số cuối năm	246.799.000.000	123.600.000.000
Cổ tức đã chia	24.639.800.000	49.351.600.000

16.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu đã được duyệt	24.679.900	12.360.000
Cổ phiếu đã phát hành		
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>		
Cổ phiếu phổ thông	24.679.900	12.360.000
Cổ phiếu quỹ		
<i>Cổ phiếu quỹ do Nhóm Công ty nắm giữ</i>		
Cổ phiếu phổ thông	(40.100)	(37.100)
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	24.639.800	12.322.900

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.5 Lãi trên cổ phiếu

Bảng biểu sau đây thể hiện dữ liệu được dùng để tính lãi trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (được trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	170.431.189.453	121.112.314.445
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	<u>(8.521.559.473)</u>	<u>(16.055.615.722)</u>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	161.909.629.980	105.056.698.723
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu) (**)	<u>24.640.980</u>	<u>24.674.222</u>
Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VND) (Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu)	<u>6.571</u>	<u>4.258</u>

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến trích lập với tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 vào ngày 18 tháng 6 năm 2016.

Lợi nhuận sau thuế dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2015 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2015 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 vào ngày 18 tháng 6 năm 2016.

(**) Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được điều chỉnh để phản ánh việc phát hành cổ phiếu thưởng vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

17. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	GF	AIC	VND Tổng cộng
Số đầu năm	49.637.296.983	6.021.190.989	55.658.487.972
Vốn điều lệ đã góp	-	16.070.000.000	16.070.000.000
Phần lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	<u>8.163.453.304</u>	<u>4.397.178.598</u>	<u>12.560.631.902</u>
Số cuối năm	<u>57.800.750.287</u>	<u>26.488.369.587</u>	<u>84.289.119.874</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp	2.202.053.279.514	1.857.260.290.812
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>2.057.951.716.870</i>	<i>1.791.804.984.361</i>
<i>Doanh thu bán hàng thành phẩm</i>	<i>144.101.562.644</i>	<i>65.455.306.451</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	<u>(15.633.904.857)</u>	<u>(9.188.196.759)</u>
Doanh thu thuần	<u>2.186.419.374.657</u>	<u>1.848.072.094.053</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	<i>2.131.583.891.267</i>	<i>1.835.042.275.478</i>
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 24)</i>	<i>54.835.483.390</i>	<i>13.029.818.575</i>

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	19.719.391.074	21.497.291.022
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	<u>1.093.717.996</u>	<u>30.127.824</u>
TỔNG CỘNG	<u>20.813.109.070</u>	<u>21.527.418.846</u>

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	990.546.395	5.403.265.155
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.736.952.636	261.815.802
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	<u>53.746.926</u>	<u>227.966.533</u>
TỔNG CỘNG	<u>2.781.245.957</u>	<u>5.893.047.490</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	72.638.457.186	55.312.265.945
Chi phí lương	20.591.938.594	16.099.737.600
Chi phí hoa hồng bán hàng	28.171.213.373	24.597.508.793
Chi phí vận chuyển	10.247.605.584	8.074.420.754
Chi phí khác	13.627.699.635	6.540.598.798
Chi phí quản lý doanh nghiệp	134.919.444.077	125.817.923.939
Chi phí lương	78.819.725.626	34.530.195.964
Chi phí khấu hao và hao mòn	8.719.707.177	51.350.641.919
Chi phí thuê	8.649.933.125	6.964.454.186
Chi phí khác	38.730.078.149	32.972.631.870
TỔNG CỘNG	207.557.901.263	181.130.189.884

21. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	3.033.804.228	4.671.416.123
Tiền bồi thường từ nhà cung cấp	831.678.643	2.936.984.588
Thu nhập khác từ thanh lý tài sản	-	49.266.000
Thu nhập khác	2.202.125.585	1.685.165.535
Chi phí khác	1.542.070.566	3.954.002.225
Tiền bồi thường phải trả khách hàng	1.402.324.427	3.930.430.829
Chi phí khác từ thanh lý tài sản	49.909.945	-
Khác	89.836.194	23.571.396
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	1.491.733.662	717.413.898

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí mua hàng hóa	1.662.956.933.068	1.461.734.117.403
Chi phí lương	105.670.076.010	53.176.238.468
Chi phí mua nguyên vật liệu	93.415.718.637	47.743.790.054
Chi phí khấu hao và hao mòn	13.637.648.300	52.898.569.786
Chi phí khác	99.387.468.755	75.055.381.630
TỔNG CỘNG	1.975.067.844.770	1.690.608.097.341

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% (2015: 22%) lợi nhuận chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ phải chịu sự kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

23.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	47.926.906.419	50.102.329.236
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	222.125.331	-
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(265.726.443)	1.050.500
TỔNG CỘNG	47.883.305.307	50.103.379.736

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	230.875.126.662	173.815.781.966
Tại thuế suất TNDN là 20% (22%)	46.175.025.332	38.239.472.033
Điều chỉnh		
Chi phí không được khấu trừ	879.619.730	1.770.924.215
Khấu hao và hao mòn tăng lên từ hợp nhất kinh doanh	650.835.095	384.638.878
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước khác	222.125.331	-
	(44.300.181)	(205.856.239)
Phân bổ lợi thế thương mại	-	9.914.200.849
Chi phí Thuế thu nhập Doanh nghiệp	47.883.305.307	50.103.379.736

23.2 Thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

23.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại, cùng với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
	VND			
Chênh lệch đánh giá lại tài sản hợp nhất công ty con	(5.447.569.283)	(5.447.569.283)	-	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	287.702.000	60.837.700	226.864.300	(1.050.500)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	72.493.898	-	72.493.898	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	(33.631.755)	-	(33.631.755)	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(5.121.005.140)	(5.386.731.583)		
Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại			265.726.443	(1.050.500)

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Bên liên quan	Mua hàng hóa	157.700.226.300	92.246.910.200
		Bán hàng hóa	54.835.483.390	13.029.818.575

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khách hàng				
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Bên liên quan	Bán hàng hóa	3.278.965.100	1.373.862.360
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Bên liên quan	Mua hàng hóa	20.308.377.500	8.824.367.750

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được trình bày như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	<u>9.536.147.000</u>	<u>10.890.728.000</u>

25. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng và nhà kho theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

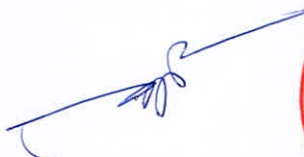
	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	8.689.368.324	7.250.904.324
Từ 1 đến 5 năm	<u>9.653.536.175</u>	<u>14.621.867.071</u>
TỔNG CỘNG	<u>18.221.764.499</u>	<u>21.872.771.395</u>

26. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Võ Thị Xuyên
Người lập



Nguyễn Thị Ánh Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lan Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2017